TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:02/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 07/01/2025
V/v Tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Trần Văn Lực

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả,Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "*Ly hôn và tranh chấp chia tài sản khi ly hôn*".

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:166/2024/QĐPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị K, sinh năm: 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Diệp Minh T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Thạch Bình L, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Thạch Thị Kim T1, sinh năm: 1979 (Có mặt);
2. Ông Sơn K1, sinh năm: 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
3. Bà Thạch Thị S, sinh năm: 1984 (Vắng mặt);
4. Anh Thạch Bình T2, sinh năm: 1988 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
5. Chị Thạch Thị Ngọc H, sinh năm: 1992 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
6. Bà Thạch Thị T3, sinh năm: 1966 (Có mặt);
7. Ông Kiên Ngọc C, sinh năm: 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
8. Bà Thạch Thị S1 (Đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thạch Thị S1:

- Ông Kiên Ngọc C, sinh năm: 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- Anh Kiên Ngọc T4, sinh năm: 1993 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- Chị Kiên Thị Ngọc T5, sinh năm: 2003 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
9. Ông Diệp Văn N, sinh năm: 1957 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
10. Ông Thạch Sa R, sinh năm: 1967 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: khóm B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
11. Ông Thạch L1, sinh năm: 1976 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
12. Ông Thạch S2 (Đã chết).
Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch S2:
- Bà Kim Thị S3, sinh năm: 1948 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
- Bà Thạch Thị Pha Q, sinh năm: 1975 (Vắng mặt có lý do);
- Ông Thạch Sua Sa Đ, sinh năm: 1981 (Vắng mặt có lý do);
- Ông Thạch Rô B, sinh năm: 1985 (Vắng mặt có lý do);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
- Ông Thạch Ra Va V, sinh năm: 1976 (Vắng mặt có lý do);
Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- Ông Thạch Phi S4, sinh năm: 1979 (Vắng mặt có lý do).
Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện hợp pháp của các ông bà Thạch Thị Pha Q, Thạch Sua S, Thạch Rô B, Thạch Ra V, Thạch Phi S4: Anh Sơn Thái V1, sinh năm: 1994, địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền ngày 08-8-2023) (Có mặt).
- *Người kháng cáo*: ông Thạch Bình L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị K trình bày:

Bà Thạch Thị K và ông Thạch Bình L quen biết, được hai bên cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1977, không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2008-2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm vợ con. Bà và ông L đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay không hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Thạch Bình L.

Về con chung: Có ba người con chung tên Thạch Thị Kim T1, sinh năm:1979, Thạch Thị S, sinh năm:1984 và Thạch Bình T2, sinh năm: 1988, hiện đang sống chung với bà, các người con đều đã thành niên và có công việc làm riêng, nên bà không yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung: Bà K xác định có tài sản chung với ông L và yêu cầu phân chia tài sản chung như sau:

+ Thửa 265 diện tích là 4.259,6m^2, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, do hộ Thạch Bình L đứng tên quyền sử dụng đất, được

cấp quyền sử dụng đất năm 1996. Bà K xin được hưởng phần hiện trạng đất đang sử dụng là phần B diện tích 2.154,1m^2; Giao phần A diện tích hiện trạng 2.105,5m^2 giao cho ông L được hưởng.

Thửa đất ruộng này bà K và ông L cho bà Thạch Thị S1, ông Kiên Ngọc C thuê mướn đất từ năm 2000 đến năm 2021, tiền thuê đất từ năm 2000 đến 2009 thì bà S1, ông C trả cho bà K, ông L nhận. Từ năm 2009 đến khoảng năm 2021 thì bà S1, ông C trả tiền thuê đất cho ông L nhận. Bà K xác định cho thuê mướn đất mỗi năm giá 4.000.000 đồng. Từ 2009 đến năm 2021 là 13 năm tính tròn bằng số tiền 38.000.000 đồng, nên yêu cầu ông L trả lại cho bà bằng 19.000.000 đồng.

+ Thửa số 175, tờ bản đồ số 37, diện tích là 549,7m^2, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong này có một phần diện tích do bà K, ông L mua lại của bà Thạch Thị S5 nhưng không rõ diện tích. Phần còn lại của thửa đất nguồn gốc của ông bà bên chồng để lại cũng không rõ diện tích bao nhiêu. Trên đất có một căn nhà trên và một căn nhà dưới, nhà trên nguồn gốc của cụ T6 Được chết để lại hiện đóng cửa nên bà K không tranh chấp, nhà trên giao ông L quản lý, sử dụng nhà trên. Còn nhà dưới là nhà chung của vợ chồng xây dựng nối liền với nhà trên. Bà K yêu cầu giải quyết cho bà K được hưởng phần D diện tích 318,5m^2 theo đo đạc hiện trạng, còn lại diện tích của thửa đất số 175 là 231,2m^2 và tài sản trên phần diện tích này thì bà K đồng ý giao cho ông L hưởng, yêu cầu ông L thanh toán giá trị phần nhà dưới cho bà bằng số tiền 38.000.000 đồng.

Theo đơn phản tố và lời khai bị đơn ông Thạch Bình L trình bày:

Ông và bà Thạch Thị K cưới nhau năm 1979, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn sống bên gia đình ông được 6 tháng thì về ở bên cha mẹ ruột của bà K sinh sống. Đến khoảng năm 1988, cha ruột ông là cụ T6 Được qua đời, anh em của ông hợp bàn kêu ông về sống trên mảnh đất và căn nhà do cụ Đ1 chết để lại tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh để ở thờ cúng cha mẹ. Nên ông mới đưa bà K và các con về sống cùng. Quá trình chung sống từ năm 2007 - 2008 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung nên thường xuyên cự cải và đã sống ly thân từ khoảng năm 2009 đến nay.

Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà K.

- Về con chung: Ông và bà K có với nhau ba người con chung gồm Thạch Thị Kim T1, sinh năm 1979, Thạch Thị S, sinh năm: 1984 và Thạch Bình T2, sinh năm: 1988 đều đã thành niên, có công ăn việc làm, có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Cha ông L là cụ T6 Được chết năm 1987, mẹ là cụ Thạch Thị X chết năm 1976 để lại cho ông.

+ Đất ruộng diện tích 4.259,6m^2 thuộc thửa 265, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, ông L được cấp quyền sử dụng năm 1996. Nay ông không đồng ý chia đất ruộng này, mà yêu cầu xác định toàn bộ thửa đất này là di sản thừa kế của cụ Đ1 để lại cho ông, nên ông xin hưởng hết thửa đất.

Thửa đất ruộng này ông và bà K cho vợ chồng bà Thạch Thị S1, ông Kiên Ngọc C thuê mướn canh tác trồng lúa từ năm 2000 đến năm 2021. Nay ông thống nhất có đang quản lý tiền thuê đất của bà Sa M, ông C trả là 38.000.000 đồng, ông đồng ý chia giao lại cho bà K là 19.000.000 đồng.

+ Đối với đất CLN thuộc thửa số 175, tờ bản đồ số 37, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh có diện tích thực tế là 549,7m^2, trên đất có một căn nhà trên và một căn nhà dưới. Nguồn gốc đất của cụ T6 Được chết để lại cho ông quản lý. Ông chỉ đại diện các anh em của ông đứng tên kê khai quyền sử dụng đất. Đây không phải là tài sản chung của ông và bà K, cũng không có phần diện tích nào là mua lại của bà Thạch Thị S5, nên ông không đồng ý chia thửa đất mà giữ lại toàn bộ thửa đất làm di sản thờ cúng cha mẹ. Ông L có yêu cầu phản tố buộc bà K cùng các người con và cháu phải di dời đi nơi khác ở, di dời cây trồng để trả đất thửa số 175 lại cho ông cùng các anh em của ông quản lý nhà đất thờ cúng cha mẹ.

Chị Thạch Thị Kim T1 có đưa tiền cho ông đi mua và đứng tên sở hữu xe mô tô biển số 84 F7 6936, nay ông đồng ý hoàn trả giá trị xe cho bà K và con là Thạch Thị Kim T1 nhận bằng số tiền là 7.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn bà Thạch Thị K gồm Thạch Thị Kim T1, S, Thạch Thị S, Thạch Bình T2, Thạch Thị Ngọc H trình bày: Các đương sự này thống nhất với toàn bộ yêu cầu và lời trình bày của bà K, các đương sự này không tranh chấp, không yêu cầu độc lập gì trong cùng vụ án. Đối với bà Thạch Thị Kim T1 thống nhất việc cha là ông Thạch Bình L trả lại số tiền chia giá trị xe mô tô bằng 7.000.000 đồng giao cho bà K đại diện nhận thay cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn ông Thạch Bình L là bà Thạch Thị T3, ông Thạch S6, ông Thạch L1 trình bày: Các đương sự là con chung của cụ Thạch Đ1 và cụ Thạch Thị X. Trong vụ án này, các đương sự thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Thạch Bình L là đối với thửa đất số 175 hiện do bà Thạch Thị K và các con cháu đang ở trên đất có nguồn gốc của cụ T6 Được chết để lại. Các đương sự thống nhất để cho ông Thạch Bình L ở thờ cúng cha mẹ. Các đương sự không đồng ý với yêu cầu chia đất, chia nhà của bà K trên thửa đất vườn, mà có ý kiến bà K với các con cháu phải di dời đi nơi khác trả đất lại cho ông L tiếp tục quản lý đất để thờ cúng cha mẹ. Đối với thửa đất ruộng thì các đương sự không ý kiến, do ông L quyết định.

Anh Sơn Thái V1 là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn ông Thạch Bình L gồm bà Thạch Thị Pha Q, các ông Thạch Sua Sa Đ, Thạch Rô B, Thạch Ra V, Thạch Phi S4 trình bày:

Các đương sự Thạch Thị Pha Q, Thạch Sua S, Thạch Rô B, Thạch Ra V, Thạch Phi S4 không có ý kiến gì về hôn nhân và con chung giữa bà Thạch Thị K với ông Thạch Bình L.

Lúc sinh thời cụ Đ1, cụ X là cha mẹ của ông L có tạo lập tài sản chung là thửa đất số 265 và thửa đất số 175 như ông L đã nêu. Cụ Đ1, cụ X có 03 người con chung là ông Thạch S2, ông L và bà Thạch Thị T3. Khi hai cụ qua đời không để lại di chúc. Năm 1996, ông L đã tự ý kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 265, còn thửa số 175 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc kê khai này các anh em trong gia đình không ai biết và không ai đồng ý. Nên đây là di sản thừa kế của cụ X, cụ Đ1 để lại, các người con trong gia đình chưa ai được chia nên việc bà K kiện yêu cầu chia các thửa đất

này với ông L là các đương sự Thạch Thị Pha Q, Thạch Sua S, Thạch Rô B, Thạch Ra V, Thạch Phi S4 không đồng ý, có ý kiến như sau:

- Thửa số 265 các đương sự Thạch Thị Pha Q, Thạch Sua S, Thạch Rô B, Thạch Ra V, Thạch Phi S4 không yêu cầu chia thừa kế trong cùng vụ án mà sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

- Thửa số 175, thì các đương sự Thạch Thị Pha Q, Thạch Sua S, Thạch Rô B, Thạch Ra V, Thạch Phi S4 thống nhất nhường suất thừa kế cho ông Thạch Bình L được quyền kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị S1, ông Kiên Ngọc C trình bày: Khoảng năm 2000, ông L, bà K có cho ông bà thuê 04 công đất ruộng thuộc thửa 265 tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh canh tác với giá thuê 3.000.000 đồng/năm, trả tiền thuê đất theo từng năm và trả vào đầu năm. Bà K ra giá tiền thuê đất. Còn nhận tiền là ông L trực tiếp nhận. Việc thuê đất chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản, thời hạn thuê không đặt ra, khi nào ông L, bà K không cho thuê đất nữa thì vợ chồng ông bà trả lại đất. Từ khi thuê mướn đất canh tác, tiền thuê đất thời gian ông L, bà K còn sống chung thì trả chung cho ông L, bà K nhận. Còn khi vợ chồng ông L, bà K ly thân thì trả tiền cho ông L nhận. Khoảng từ năm 2016 do giá lúa lên cao, nên ông bà có trả tiền thuê cho ông L với giá 4.000.000 đồng/năm. Tổng cộng số tiền từ lúc thuê đất đến lúc trả đất năm 2021 ông bà đã trả cho bà K, ông L nhận, hoặc trả cho ông L nhận bao nhiêu thì không nhớ, vì không có làm giấy tờ. Nay ông L, bà K ra Tòa giải quyết ly hôn, thì ý kiến là Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Diệp Văn N trình bày: Khoảng năm 1997, 1998, ông L, bà K cùng cầm cố cho ông 04 công đất ruộng thuộc thửa số 265 với giá 09 chỉ vàng 24K với thời hạn là 03 năm. Ông có giao đủ 09 chỉ vàng 24K cho ông L, bà K nhận để ông L, bà K sử dụng xoay sở trong gia đình. Đến khoảng năm 2000 – 2001, ông L, bà K hẹn ông đến nhà để trực tiếp cùng nhau giao trả 09 chỉ vàng 24K cho ông chuộc đất lại. Ông đã nhận đủ số vàng và đã trả 04 đất ruộng lại cho bà K, ông L, nên ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong cùng vụ án.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 19, 29, 33, 51, 53, 54, 55, 57, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 100, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Luật phí và lệ phí; các Điều 12, 14, 15, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Thạch Thị K với ông Thạch Bình L.

2. Về con chung: Bà Thạch Thị K và ông Thạch Bình L có ba người con chung là Thạch Thị Kim T1 - sinh năm: 1979, Thạch Thị S - sinh năm: 1984 và Thạch Bình T2 - sinh năm: 1988, đều đã thành niên, sức khỏe bình thường, đã có công việc làm riêng, nên không xem xét giải quyết đều đã thành niên, sức khỏe bình thường, đã có công việc làm riêng, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Thạch Thị K và ông Thạch Bình L đối với tiền cho thuê mướn đất thửa số 265, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, về chia tài sản là xe mô tô và các cây trồng trên đất thửa số 175, tờ bản đồ số 37, loại đất CLN, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Cụ thể là:

Ông Thạch Bình L được quyền sở hữu số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) và có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị K được quyền sở hữu số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

Ông Thạch Bình L được quyền sở hữu xe mô tô Trung Quốc hiệu Jiulong biển số 84F7-6936 và có nghĩa vụ giao trả cho bà Thạch Thị K, bà Thạch Thị Kim T1 được quyền sở hữu số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Bà Thạch Thị K có quyền sở hữu đối với các cây trồng trên thửa đất số 175 gồm: 01 (Một) cây đu đủ (02 - 10 năm); 01 (Một) cây đu đủ (dưới 01 năm); 03 (Ba) cây nhàu (03 - 10 năm); 06 (Sáu) cây nhàu (01 - 02 năm); 23 (Hai mươi ba) bụi chuối; 01 (Một) cây mãng cầu; 02 (Hai) cây mít; 02 (Hai) cây bưởi; 01 (Một) cây dừa; 01 (Một) cây chanh; (Một) cây nhãn.

3.2. Chia cho bà Thạch Thị K được quyền sở hữu, sử dụng:

+ Diện tích 2.154,1m^2, thuộc một phần của thửa số 265, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích đất 2.154,1m^2 là phần B trên sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp các thửa số 2164, 1527, 1596 có số đo lần lượt là 12,52 mét, 21,97 mét, 78,98 mét.
- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa số 265 có số đo 113,02 mét.
- Hướng nam giáp thửa số 1935 có số đo 19,96 mét.
- Hướng bắc giáp thửa số 1529 có số đo 17,46 mét.

+ Diện tích 318,5m^2, thuộc một phần của thửa số 175, tờ bản đồ số 37, loại đất CLN, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích đất 318,5m^2 là phần D trên sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp thửa số 153 có số đo là 21,10 mét.
- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa số 175 có số đo 15 mét.
- Hướng nam giáp đường nhựa có số đo 14,05 mét.
- Hướng bắc giáp thửa số 155 có số đo lần lượt là 1,8 mét, 6,60 mét, 4,44mét.

(Kèm theo Công văn số 475/CNHCL ngày 09-11-2023 và Sơ đồ khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C).

Bà K được quyền sở hữu các tài sản trên phần D gồm: Một phần nhà 2 diện tích 15,66m^2; Nhà bếp; Trại bếp; Nhà vệ sinh.

Bà K có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông L bằng số tiền là 14.519.000đ (Mười bốn triệu năm trăm mười chín nghìn đồng).

3.3. Chia cho ông Thạch Bình L được quyền sở hữu, sử dụng:

+ Diện tích 2.105,5m^2, thuộc một phần của thửa số 265, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích đất 2.105,5m^2 là phần A trên sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp phần còn lại của thửa số 265 có số đo 113,02 mét.
- Hướng tây giáp thửa số 1575 có số đo 112,65 mét.
- Hướng nam giáp thửa số 1935 có số đo 19,96 mét.
- Hướng bắc giáp thửa số 1529 có số đo 17,46 mét.

+ Diện tích 231,2m^2, thuộc một phần của thửa số 175, tờ bản đồ số 37, loại đất CLN, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích đất 231,2m^2 trên sơ đồ khu đất:

- Hướng đông giáp phần còn lại của thửa số 175 và thửa số 156 có số đo lần lượt là 15 mét, 2,23 mét.
- Hướng tây giáp thửa số 172 có số đo 29,67 mét.
- Hướng nam giáp đường nhựa có số đo 9,10 mét.
- Hướng bắc giáp thửa số 155 có số đo lần lượt là 1,56 mét, 6,2 mét, 4,44mét.

(Kèm theo Công văn số 475/CNHCL ngày 09-11-2023 và Sơ đồ khu đất của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh huyện C).

Ông L được quyền sở hữu các tài sản trên diện tích 231,2m^2 gồm: Nhà 1: Móng cột BTCT (trệt), tường gạch trát vữa, quét vôi, cửa gỗ, nền gạch bông, mái tole, không trần, diện tích 52m^2; Một phần nhà 2 diện tích là 65,25m^2.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/02/2024 ông Thạch Bình L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chia 2 thửa đất cho bà Thạch Thị K.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữa nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà Thạch Thị K: Thửa đất ruộng 265 và thửa đất 175 đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc của cụ Thạch Đ1, khi cụ Đ1 còn sống đã cho ông L và ông L đã đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được chia theo quy định của pháp luật. Thửa đất 175 ông L và bà K sử dụng từ sau khi cụ Đ1 mất có xây cất nhà ở, trồng cây trên đất đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Thửa đất 265 diện tích 4.259,6 m^2 loại đất ruộng, ông Thạch Bình L được cụ Thạch Đ1 cho trước khi ông L cưới bà K, năm 1996 ông L kê khai được cấp quyền sử dụng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần này của án sơ thẩm. Đối với thửa đất số 175 diện tích 549,7 m^2 gắn liền căn nhà của cụ T6 Được đây là di sản thừa kế của cụ T6 Được chết để lại chưa chia, ông L và

bà K chỉ có công sức giữ gìn bảo quản di sản,Tòa án cấp sơ thẩm chia thửa đất này cho bà K là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm thửa đất này chỉ xem xét công sức giữ gìn đất của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Thạch Bình L không đồng ý chia thửa đất số 265 diện tích 4.259,6 m^2 và thửa đất số 175 diện tích 549,7 m^2 cho bà Thạch Thị K.

Các đương sự thống nhất nguồn gốc hai thửa đất này là của cụ T6 Được chết năm 1988 và cụ Thạch Thị X chết năm 1976 để lại. Bà K khai thửa đất số 175, vợ chồng của bà có nhân chuyển nhượng thêm của bà Thạch Thị S5 nhưng không rõ diện tích. Phần còn lại của thửa đất nguồn gốc của ông bà bên chồng để lại cũng không rõ diện tích bao nhiêu.

Ông Thạch Bình L khai thửa đất 265 loại đất ruộng cha ông cho riêng ông trước khi kết hôn. Thửa đất cây lâu năm thửa đất số 175 là của cha mẹ, sau khi cha mất anh em mới họp lại kêu ông về ở để thờ cúng cha mẹ.

Bà K cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh hai thửa đất nêu trên là do bà và ông L được cụ Thạch Thị X và cụ Thạch Đ1 và tặng cho riêng.

[2] Thửa đất 256 diện tích thực đo 4.259,6 m^2, năm 1996 ông Thạch Bình L đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất ngày 02/5/1996. Ông L khai thửa đất 256 diện tích thực đo 4.259,6 m^2 được cho riêng nên không đồng ý chia cho bà K. Theo Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: "*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới"*. Ông L và bà K cưới nhau năm 1979 thời điểm này Luật Hôn nhân gia đình 1959 có hiệu luật Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung nên chia cho mỗi người được hưởng ½ là đúng pháp luật nên kháng cáo này của ông L không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Thửa đất số 175 diện tích 549,7 m^2 loại đất cây lâu năm, năm 1988 cụ T6 Được mất, ông L và bà K về sinh sống trong nhà của cha ông L để lại, khi về ở ông L bà K có xây dựng thêm căn nhà dưới, nhà bếp, nhà vệ sinh và trồng thêm cây ăn trái, thửa đất này chưa được cấp quyền sử dụng.

Trên thửa đất này có nhà của cụ Đ1 nên đây là di sản của cụ Đ1 để lại. Các anh em của ông L cũng có ý kiến căn nhà và đất để cho ông L ở thờ cúng cha mẹ không đồng ý việc chia tài sản chung giữa bà K và ông L thửa đất này. Án sơ thẩm áp dụng án lệ số 03/2016/Al cho rằng thửa đất 176 là tài sản chung của ông L và bà K được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân là không phù hợp trong áp dụng án lệ. Theo án lệ số 03/2016/AL, chủ thể tặng cho quyền sử dụng đất là cha mẹ, chủ thể được tặng cho quyền sử dụng đất là vợ chồng người con, đều là các thành viên trong gia đình. Trong vụ án này sau khi cha mẹ chết ông L bà K mới về ở trên đất của cho mẹ, các thừa kế khác của cụ Đ1 không có văn bản nhường phần thừa kế của mình lại cho ông L, bà K được hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm chia thửa đất 175 cho bà K được hưởng là không đúng pháp luật.

[4] Bà Thạch Thị K có công sức bảo quản cải tạo giữ gìn đất. Ông Thạch Bình L cũng đồng ý trích một phần công sức giữ gìn đất cho bà K để bà K cất nhà khác để ở. Nhận thấy, căn nhà sau của bà K và ông L cất liền với nhà của cụ Đ1 để lại. Nếu giao nhà cho bà K thì không có đường đi nếu chia có đường đi thì chiếm phần lớn mặt tiền giáp lộ nhựa của thửa đất 175. Ông L thống nhất tách ngang giáp lộ nhựa ngang 4m dài hết đất phía giáp thửa 153 cho bà K. Thửa đất 175 diện tích thực đo bằng 549,7m^2 tách ra 1/5 diện tích bằng 102, 1m^2 để tính công sức giữ gìn cho bà K để bà K có chỗ ở ổn định.

Do nhà của bà K ông L xây dựng trên đất thừa kế nên giao nhà cho ông L hưởng, ông L có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị cho bà K.

Bà K được lưu cư trong thời hạn 6 tháng để giao lại nhà cho ông L.

[5] Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bà K. Hội đồng xét xử có cân nhắc nhưng không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Thạch Bình L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 46, 59 Luật hôn nhân gia đình và Điều 98 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Thạch Bình L.

- Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử:

1. Chia cho bà Thạch Thị K được quyền sử dụng: Diện tích 2.154,1m^2 thuộc một phần của thửa số 265, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vị trí diện tích đất 2.154,1m^2 là phần B trên sơ đồ khu đất ngày 09/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C:

- Hướng đông giáp các thửa số 2164, 1527, 1596 có số đo lần lượt là 12,52mét, 21,97mét, 78,98mét.

- Hướng tây giáp phần còn lại của thửa số 265 có số đo 113,02mét.

- Hướng nam giáp thửa số 1935 có số đo 19,96mét.

- Hướng bắc giáp thửa số 1529 có số đo 17,46mét.

2. Giao cho bà Thạch Thị K được quyền sử dụng diện tích 102,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 175 tờ bản đồ số 37 loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông B1 giáp thửa 153 có độ dài 21,1mét.
- Hướng Tây Nam giáp phần còn lại thửa 176 có độ dài 23,48 mét.
- Hướng Đông Nam giáp đường nhựa có độ dài 4,40mét.
- Hướng Tây Bắc giáp thửa 155 có độ dài 4,44mét.

Vị trí D1 trên sơ đồ khu đất ngày 16/01/2024 của Văn phòng đăng ký đất tỉnh Trà Vinh.

3. Buộc bà Thạch Thị K giao lại nhà và diện tích đất còn lại của thửa đất số 175, tờ bản đồ số 37, loại đất cây lâu năm, tọa lạc ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho các thừa kế của cụ Thạch Đ1 do ông Thạch Bình L đại diện các thừa kế nhận quản lý sử dụng.

Bà Thạch Thị K được lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực.

4. Buộc ông Thạch Bình L thanh toán giá trị nhà sau, nhà bếp, nhà vệ sinh cho bà Thạch Thị K bằng 45.498.740 đồng *(Bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).*

5.Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị sữa nên tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành **Trần Văn Lực**

Lê Thành Trung

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND Huyện Càng Long;
- Chi cục THADS Huyện Càng Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung